TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:169/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22/6/2023
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định

Bà Ngô Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 213/2023/HNGĐ-TLST ngày 17/5/2023, về việc " *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/6/2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị H,** sinh năm 1990.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang sinh sống tại: Nhật Bản.

Người đại diện theo ủy quyền giao nhận văn bản của chị H: Ông Trần Văn S, sinh năm 1974.

Địa chỉ : Thôn Ng, xã S, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn : Anh **Nguyễn Văn D,** sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Hải Dương.

(Chị H, anh D đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị - Nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bầy: Chị và anh Nguyễn Văn D tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã T, huyện L, tỉnh Hải D ngày 13/9/2008. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh D không tu trí làm ăn nên vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Nguyễn Trung H, sinh ngày 17/5/2009 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 11/01/2012. Hiện nay cháu H, cháu N đang ở với bố, ly hôn do chị đang ở nước ngoài nên chị đồng ý để anh D chăm sóc, nuôi dưỡng hai con. Về cấp dưỡng tiền nuôi con các bên tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn - anh Nguyễn Văn D trình bày:

Về quan hệ vợ chồng : Anh và chị H tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hải Dương ngày 13/9/2008. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế khó khăn, vợ chồng vỡ nợ nên phải sang nước ngoài làm kinh tế. Anh đi Đài Loan, còn chị H đi Nhật Bản, vợ chồng mỗi người sống một nơi dẫn đến bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung. Vợ chồng không còn liên lạc từ cuối năm 2018 cho đến nay. Tháng 4/2023 chị H có về Việt Nam nhưng không ở cùng bố con anh mà về nhà bố mẹ đẻ ở Ngọc S, thành phố H sinh sống. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H có đơn xin ly hôn anh đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Anh và chị H có hai con chung là Nguyễn Trung H, sinh ngày 17/5/2009 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 11/01/2012. Hiện nay hai con đang ở với anh, ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Thời điểm ở Việt Nam vợ chồng có làm ăn chăn nuôi, nhưng do bị thua lỗ nên có nợ khoảng 2,4 tỷ. Anh và gia đình đã trả được một

phần nợ, số nợ còn lại 350.000.000đ. Khi ly hôn, hai bên tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh đồng ý để chị H tự nguyện chịu cả án phí ly hôn.

Do điều kiện công việc nên chị H không ở lại Việt Nam để giải quyết ly hôn, chị ủy quyền cho ông Trần Văn S giao, nhận các văn bản tại Tòa án. Ông S có quan điểm đồng ý nhận ủy quyền của chị H. Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án, ông S đã thông tin cho chị H biết, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, đồng thời đề nghị xin được giải quyết vắng mặt.

Cháu Nguyễn Trung H và cháu Nguyễn Thị Yến N đều có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị H, anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị H được ly hôn anh D. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 17/5/2009 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 11/01/2012 cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải D, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn D đều có hộ khẩu thường trú tại Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Hải Dương. Chị H hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Tháng 4/2023 chị H về Việt Nam để tiến hành thủ tục ly hôn tại Tòa án. Toàn bộ tài liệu gồm đơn ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị của chị H đều có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã S, thành phố H. Do đó có căn cứ xác định nội dung các văn bản này thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của chị H.

Quá trình giải quyết vụ án chị H, anh D đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hải Dương ngày 13/9/2008, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do khó khăn trong làm kinh tế, vợ chồng phải đi nước ngoài lao động, mỗi người ở một nơi dẫn đến bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung. Nay chị H và anh D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H có đơn xin ly hôn, anh D cũng đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh D đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

- *Về con chung:* Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn D có hai con chung là Nguyễn Trung H, sinh ngày 17/5/2009 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 11/01/2012. Ly hôn chị H, anh D đều có quan điểm giao cháu H, cháu N cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thực tế cháu H, cháu N hiện đang ở với bố, được học tập và phát triển tốt, các cháu cũng đều có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Chị H đang ở nước ngoài không có mặt tại Việt Nam nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do vậy cần tiếp tục giao cháu H, cháu N cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng tiền nuôi con các bên tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4].Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2.Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trung H, sinh ngày 17/5/2009 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 11/01/2012 cho anh Nguyễn Văn D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Chị Vũ Thị H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số AA/2022/0000183 ngày 17 tháng 5 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị H, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã T;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền